

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

**CẦN XÁC ĐỊNH LẠI MỤC ĐÍCH
CỦA VIỆC DẠY VÀ HỌC MÔN TIẾNG VIỆT
CHO HỌC SINH DÂN TỘC ÍT NGƯỜI
(TRƯỜNG HỢP HỌC SINH DÂN TỘC STIÊNG VÀ KHMER)
HỒ XUÂN MAI***

TÓM TẮT: Theo các nhà khoa học, ở trạng thái bình thường nhất, một đứa trẻ phải biết nói ở độ tuổi từ một đến ba. Quá thời gian này mà đứa trẻ không biết nói hoặc có chút khó khăn khi nói thì phải nhờ sự can thiệp của y khoa. Nếu không, khuyết tật ngôn ngữ sẽ kéo dài. Như vậy, học nói ba năm để nói suốt đời.

Một học sinh lớp 3 sẽ phải nói tốt tiếng mẹ đẻ, dù có thể mắc một số lỗi về ngữ pháp, diễn đạt hoặc/ và sử dụng từ. Những lỗi này sẽ được khắc phục trong thời gian ngắn nhất, thậm chí chỉ một lần được hướng dẫn. Một học sinh lớp 3 dân tộc ít người chắc chắn đã phải nói được tiếng Việt. Nếu không, các em không thể tiếp nhận được bài học. Nhưng thực tế có khác. Kết quả khảo sát trong hai năm học 2019-2020 và 2023-2024 của chúng tôi cho thấy, khoảng 58% học sinh lớp 3 người Stiêng và người Khmer nói tiếng Việt ở mức độ trung bình; còn viết thì khoảng 39% đạt yêu cầu. Vì sao có thực trạng này?

TỪ KHÓA: Học sinh; tiếng; mục đích; dạy và học; nói tiếng Việt.

NHẬN BÀI: 13/03/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 22/05/2025

1. Dẫn nhập

Năm 2020 chúng tôi thực hiện khảo sát năng lực tiếng Việt của 360 học sinh lớp 3 người Stiêng và người Khmer ở Bình Phước; và năm 2024, khảo sát 360 học sinh lớp 3 người Stiêng ở Bình Phước và lớp 3 người Khmer ở Sóc Trăng. Thời gian khảo sát là học kỳ 2, cụ thể là tuần 21, 22 và 24, 26 của mỗi năm học. Học sinh năm 2019-2020 học Chương trình tiếng Việt 2006 còn học sinh 2023-2024 học Chương trình tiếng Việt 2018. Mục đích chọn khảo sát hai mốc thời gian cuối cùng và đầu của mỗi chương trình để so sánh sự khác biệt về năng lực tiếng Việt của các đối tượng.

Hai kĩ năng được khảo sát là đọc-nói và viết. Thời lượng khảo sát là 30 phút/1 kĩ năng. Về phương pháp, chúng tôi đưa ra yêu cầu, nhờ giáo viên dạy lớp thực hiện, nhằm tránh tâm lí sợ sệt của học sinh. Giáo viên căn cứ vào tình hình của lớp để thực hiện. Về kĩ thuật, chúng tôi sử dụng Smartphone để đo tốc độ nói của học sinh.

Để khảo sát năng lực viết, chúng tôi đưa ra ba yêu cầu: học sinh nghe và viết lại (chính tả); giáo viên viết trên bảng, học sinh chép lại; và tự viết theo chủ đề (Tập Làm văn). Sau đó chúng tôi thống kê số câu đúng (đúng ngữ pháp; có nghĩa và chỉ sai 03 lỗi/1 yêu cầu) Thời lượng cho mỗi yêu cầu này là 15 phút.

1.1. Kết quả cho thấy, riêng năng lực nói, chỉ khoảng 58%/ 360 học sinh của hai dân tộc này đạt trung bình còn viết thì khoảng 39% đạt yêu cầu.

Chương trình hiện tại¹ (cả hai Chương trình tổng thể môn tiếng Việt 2006 và 2018), số tiết tiếng Việt mỗi khối là 245 tiết/ 1 năm. Vậy, một học sinh lớp 3 đã phải học 735 tiết. Theo quy định của Hội đồng châu Âu² và Hội đồng giảng dạy ngoại ngữ Hoa Kỳ³ thì thời lượng này đủ để một người học ngôn ngữ thứ hai đạt trình độ C1 của châu Âu hoặc Advanced Mid của Hoa Kỳ. Nếu tính sự cộng hưởng (resonance) của môi trường ngôn ngữ đích, mỗi học sinh lớp 3 hai dân tộc Stiêng ở Bình Phước và Khmer ở Sóc Trăng đã học ít nhất là 1470 tiết tiếng Việt, tức bằng với thời lượng để một người học và đạt Bằng C2 châu Âu hoặc Advanced High của Hoa Kỳ. Vậy, tại sao học sinh lớp 3 người Stiêng và người Khmer chỉ đạt ở mức độ như trên? Đây là câu hỏi cần phải sớm được giải

*TS; Trường Đại học Văn Hiến Thành phố Hồ Chí Minh; Email: xuanmainam@yahoo.com

quyết. Nếu không, thực trạng sẽ còn kéo dài.

1.2. Mục đích của bài viết này là chỉ ra thực trạng dạy và học tiếng Việt đối với học sinh dân tộc Stiêng và Khmer, đặc biệt là thực trạng nói; nguyên nhân của thực trạng đó. Từ đó, chúng tôi nêu những ý kiến về những nguyên nhân đó; nêu nhận xét và đề xuất việc cần thiết phải thay đổi mục tiêu, phương pháp cũng như hình thức dạy và học môn tiếng Việt.

2. Kết quả khảo sát

Để đáp ứng dung lượng của một bài báo, chúng tôi chỉ trình bày kết quả cuối cùng của mỗi kỹ năng.

2.1. Năng lực tiếng Việt của học sinh lớp 3 người Stiêng và người Khmer ở Bình Phước năm học 2019-2020

a. Với học sinh người Stiêng:

- Đọc, nói: khoảng 61,2% đạt từ trung bình trở lên.

- Viết: khoảng 37,9% đạt từ trung bình trở lên.

b. Với học sinh người Khmer:

- Đọc, nói: khoảng 57,3% từ trung bình trở lên.

- Viết: khoảng 41,1% từ trung bình trở lên.

2.2. Năng lực tiếng Việt của học sinh lớp 3 người Stiêng ở Bình Phước và học sinh lớp 3 người Khmer ở Sóc Trăng năm 2023-2024

a- Với học sinh người Stiêng:

- Đọc, nói: 64,3% từ trung bình trở lên.

- Viết: 44,7% từ trung bình trở lên.

b- Với học sinh người Khmer:

a. Đọc, nói: 62,9% từ trung bình trở lên.

b. Viết: 43,7% từ trung bình trở lên.

Nhận xét:

- Năng lực tiếng của học sinh lớp 3 hai dân tộc Stiêng và Khmer ở Bình Phước không quá khác nhau và đều không đạt 100% so với mục tiêu của chương trình (Chương trình Tổng thể Ngữ văn 2006).

- Năng lực tiếng của học sinh lớp 3 hai dân tộc Stiêng ở Bình Phước và Khmer ở Sóc Trăng cũng không khác biệt nhau và cũng đều không đạt mục tiêu (theo Chương trình Tổng thể Ngữ văn 2018).

- Năng lực tiếng Việt của học sinh chương trình cũ (Chương trình Tổng thể Ngữ văn 2006) lẫn chương trình mới (Chương trình Tổng thể Ngữ văn 2018) không quá lớn. Còn nếu xem khoảng cách 5% năng lực (cả nói lẫn viết) của học sinh cả hai dân tộc ở hai mốc thời gian khảo sát là kết quả của việc thay đổi chương trình thì kết quả đó không phải là tuyệt đối. Nói cách khác, thực trạng của vấn đề không phụ thuộc nhiều vào chương trình.

Trong cả hai mốc thời gian năm học, năng lực nói tiếng Việt của các đối tượng đều tốt hơn so với năng lực viết. Điều này chỉ có thể giải thích dựa trên sự cộng hưởng của môi trường ngôn ngữ đích. Mà, môi trường ngôn ngữ đích chỉ thể là nói. Nếu so sánh kỹ hơn, chúng ta thấy năng lực viết của các đối tượng ở năm học 2023-2024 tăng theo tỉ lệ của năng lực nói. Vậy, *nói nhiều* mới có thể phát tiếng năng lực ngôn ngữ của một người.

Từ kết quả trên, chúng ta thấy, thực trạng chung của học sinh bậc Tiểu học, dân tộc ít người khu vực Đông và Tây Nam bộ (có lẽ cũng là thực trạng chung của học sinh các dân tộc ít người ở Việt Nam) học tiếng Việt chưa tốt. Bằng chứng là không một đối tượng nào đọc, nói và viết đạt 100%, cho dù tất cả đều sống trong môi trường ngôn ngữ đích và thời gian sử dụng tiếng Việt nhiều hơn tiếng mẹ đẻ.

3. Đi tìm nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân của một thực trạng (điều kiện kinh tế - xã hội; đặc điểm văn hóa - tộc người; điều kiện đi lại; điều kiện tiếp xúc; sự khác biệt về ngữ hệ; v.v.) nhưng trước hết phải bắt đầu

mục tiêu và mục đích của việc dạy và học tiếng. Những khó khăn về sự khác biệt về ngữ hệ, tức con đường nội tại, cũng được xem xét để đối chứng nhưng sẽ trình bày trong một bài viết khác.

1. Mục tiêu dạy tiếng ở tất cả các khối, lớp và bậc học là truyền thụ tất cả các đặc điểm, kỹ năng của một ngôn ngữ cho người học. Mục đích của học tiếng là để giao tiếp, trong đó nói là yêu cầu đầu tiên và cuối cùng. Viết xếp thứ yếu. Như vậy, mục tiêu có thể đạt được hoặc không nhưng mục đích là phải nói được thứ ngôn ngữ mình học. Đây là yêu cầu bắt buộc đối với người học ngôn ngữ thứ hai. Tất cả các nhà giáo dục học và ngôn ngữ học trên thế giới như E. Haugen⁴; Istvan Kecskes & Tunde Papp⁵; Jassen, C & Pauwels, A.⁶; v.v. đều có chung quan điểm này. Theo J. McLean & L.K. McLean⁷ và Annamaria Pinter⁸, nếu một người học ngôn ngữ thứ hai mà biết nói trước khi học viết thì thời gian học sẽ ít hơn nhưng kết quả sẽ tốt hơn. Ngược lại thì kết quả sẽ không như mong muốn. Còn theo tác giả Nguyễn Hàm Dương, nếu não trái tiếp thu số lượng từ đủ mà não phải chưa kịp liên kết để tạo thành lời thì người học chỉ có thể viết lại những từ đã học, chứ không thể diễn đạt. Đây chính là lúc trẻ con tập nói tiếng một, tiếng đôi. Nhưng nếu bán cầu não phải đã quen với thao tác liên kết từ để diễn đạt thì dù vốn từ ít, người học vẫn có thể giao tiếp⁹. Đây cũng là quan điểm của Stephen D. Krashen¹⁰.

2. Theo Chương trình Tổng thể môn Ngữ Văn 2018, mục tiêu của môn này là cung cấp các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để đạt được mục đích là người học sử dụng tốt chúng trong giao tiếp¹¹. Đối chiếu với Chương trình Tổng thể năm 2006 thì “*Môn Ngữ văn (tiếng Việt) giúp học sinh sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống*”¹². Như vậy, tuy có một vài chỗ khác biệt nhưng nhìn chung, mục tiêu của dạy và học đối với môn Tiếng Việt không khác nhau. Cả hai đều lấy việc giao tiếp là chính, là trọng tâm và là yêu cầu đầu tiên, bắt buộc.

3. Chúng ta đều biết, ở trạng thái bình thường, một đứa trẻ phải biết nói mới có thể học chữ. Như vậy, *giao tiếp bằng lời* phải được đặt lên trước hết. Học tiếng, cho dù là tiếng mẹ đẻ (tức người học đã nói tốt) hay ngoại ngữ/ ngôn ngữ thứ hai, *học nói* cũng phải được xem là quan trọng nhất. Viết *chỉ là thứ yếu* bởi có thể bỏ sung, hoàn thiện dần trong quá trình học. Một đứa trẻ ở ba năm đầu mà không biết nói hoặc bị khuyết tật nói thì chúng ta phải nhờ sự can thiệp của y khoa. Nếu không, *khuyết tật nói* sẽ ảnh hưởng cả đời. Nếu ở giai đoạn đầu của *học nói* mà không nói được hoặc nói kém thì khả năng giao tiếp bằng lời của người học sẽ rất kém, thậm chí là không thể. Mà, nếu không tiếp tục sử dụng thì những kiến thức ngôn ngữ đã học sẽ bị quên đi rất nhanh. Chúng ta có hiện tượng *tái mù chữ* là vì lý do này.

4. Kết quả khảo sát của chúng tôi cho thấy, ở bậc Tiểu học nói chung, việc dạy và học tiếng đã được thực hiện ngược lại, tức yêu cầu học sinh viết chữ trước khi nói, đọc. Thao tác đầu tiên của dạy và học tiếng ở bậc này là với học sinh lớp 1, các em đọc và nhớ mặt 29 chữ cái, sau đó các em viết lại, ráp vần. Mục đích đối với các khối/ lớp tiếp theo là học sinh phải nắm vững các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để *thi*. Cho nên, các yêu cầu về điền từ, tìm từ, đặt câu, nối câu, v.v được đặt lên hàng đầu. Kết quả phỏng vấn chiến lược 125 giáo viên tiểu học qua những lần khảo sát cho thấy, học sinh chỉ được hướng dẫn đọc nhiều nhất ở học kỳ 1 của năm lớp 1. Còn khi các em đã đọc được chữ thì yêu cầu này gần như không được chú ý. Lúc này giáo viên chỉ làm một nhiệm vụ là hướng dẫn học sinh viết đúng câu và tiến tới hoàn chỉnh kỹ năng viết. *Không một giáo viên nào* xem việc dạy đọc, luyện nói là chính. Học sinh dân tộc ít người nói chung, không thể nói tốt là điều hiển nhiên¹³.

4. Mấy suy nghĩ

Trước hết là với học sinh.

Mục tiêu và mục đích của việc dạy và học hai môn tiếng Việt của Chương trình giáo dục Tổng thể môn Ngữ văn năm 2006 và 2018 như đã nói ở trên, theo chúng tôi, về cơ bản là khoa học và tích cực. Vậy, tại sao học sinh dân tộc ít người sử dụng tiếng Việt để giao tiếp không tốt? Trong những bài viết của mình trước đây, chúng tôi đã chứng minh rằng, nguyên nhân chính là chúng ta đã xác định sai mục đích nên chọn phương pháp dạy sai. Nói cách khác, chúng ta đã bắt đầu ngược: dạy viết trước khi dạy nói, tức biết chữ trước khi biết nói, nên người học vĩnh viễn không biết nói. Với học sinh tiểu học dân tộc ít người mà đặt nặng kỹ năng viết nhằm đối phó với những lần kiểm tra và thi học kỳ hơn

thì năng lực nói sẽ rất kém. Thực trạng này đã kéo dài trong nhiều năm và trên một khu vực rộng lớn (Đông và Tây Nam Bộ), cho thấy mục đích của việc dạy và học tiếng Việt đối với đối tượng này đã bị xác định sai trong một thời gian dài.

Nhưng vì sao dạy không tuân theo mục tiêu và mục đích do chương trình quy định và sai phương pháp mà vẫn tồn tại thực trạng này? Theo chúng tôi, có ba lí do. Một, hình thức tuyển dụng của cơ quan nhà nước. Tuyển dụng hiện nay là căn cứ vào hồ sơ, bằng cấp mà không cần biết người ứng tuyển sử dụng tiếng Việt như thế nào. Vì cơ quan tuyển dụng chỉ cần *có bằng*, nên việc dạy học môn này cũng phải đáp ứng nhu cầu học sinh viết được để *thi lấy bằng*. Dạy và học một ngôn ngữ, cụ thể ngôn ngữ thứ hai, người dạy và học phải đồng thời thực hiện bốn kĩ năng *nghe, nói, đọc, viết* nhưng trên thực tế chúng ta chỉ thực hiện một nửa. Nguyên nhân thứ ba là quy định của chương trình môn học chưa chặt chẽ. Bởi lẽ, chương trình chỉ yêu cầu người dạy và học một thứ tiếng phải thực hiện bốn kĩ năng *nghe, nói, đọc, viết* và quy định này là trụ cột xuyên suốt ba cấp học nhưng không quy định hình thức thi. Cho nên hai kĩ năng *nghe, nói* đã bị loại khỏi các kỳ thi. Chúng ta đã quan niệm sai lầm là hễ người Việt thì nói tốt tiếng Việt. Cho nên, học sinh chỉ cần viết. Hậu quả bắt đầu từ đây.

5. Kết luận

1. Mục tiêu đối với dạy và học môn Tiếng của Chương trình Tổng thể đối với môn Ngữ văn bậc Phổ thông không có vấn đề. Nhưng, với mục đích, ở tất cả các bậc và khối học, chúng ta cần phải suy nghĩ lại. Dạy và học môn này là để *nói* chứ không phải để *viết*, lại càng không phải để *đáp ứng nhu cầu thi*. Do vậy, theo chúng tôi, ở bậc vĩ mô, Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có văn bản điều chỉnh mục đích của Chương trình Tổng thể đối với môn học này. Theo đó, định hướng *hoạt động giao tiếp bằng lời* phải được đưa lên hàng đầu, trước hết và xuyên suốt. Muốn vậy thì phải thay đổi hình thức thi: tất cả các kỳ thi của môn học này phải có *thi nói* với nội dung thiết kế sao cho phong phú, đa dạng chứ không đơn giản *viết được một số câu* như hiện nay. Chỉ khi đó học sinh các dân tộc ít người mới có thể nói tiếng Việt tốt hơn. Cũng ở bậc vĩ mô, cơ quan có thẩm quyền nên thay đổi quy định việc thi tuyển công chức, viên chức đối với người ứng cử nếu thuộc các dân tộc ít người. Yêu cầu đầu tiên đối với đối tượng này là phải sử dụng tốt tiếng Việt. Lúc đó, năng lực tiếng Việt, mục đích của dạy và học môn này sẽ khác hơn, thực trạng tiếng Việt cũng sẽ được khắc phục.

2. Chúng ta suy nghĩ gì khi một đứa trẻ chỉ học nói ở độ tuổi từ một tới ba thì đã có thể nói trong suốt cuộc đời còn học sinh học 3, tức khoảng 735 tiết tiếng Việt/ 1 năm nhưng nói tiếng Việt không tốt? Đó không phải là lỗi của học sinh. Cho nên, nếu không nhanh chóng thay đổi nguyên nhân sâu xa của vấn đề thì thực trạng sẽ còn kéo dài.

Chú thích:

¹ BGD-ĐT, “Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt”, 2017.

² Khung năng lực ngoại ngữ chung châu Âu, “Common European framework of reference” (CEFR; 1987)

³ Hội đồng giảng dạy ngoại ngữ Hoa Kỳ, “American Council on the Teaching of Foreign Languages” (ACTFL), 1967.

⁴ E. Haugen, *Bilingualism in the America: a bibliography and a research guide*, Publications of the American Dialect Society, N^o26, University of Alabama Press, 1956.

⁵ E. Haugen, *Bilingualism in the America: a bibliography and a research guide*, Publications of the American Dialect Society, N^o26, University of Alabama Press, 1956.

⁶ Jassen, C & Pauwels, A., *Raising children in Bilingual in Australia*, Melbourne. Language and Society Center Monash University, 1993.

⁷ J. McLean & L.K. McLean, *How children learn language*, Singular Publishing Group Inc., London, 1999.

⁸ Annamaria Pinter, *Children learning second languages (Research and practice in applied linguistics)*, Palgrave Macmillan, 2011.

⁹ Nguyễn Hàm Dương, *Bài giảng về Ngôn ngữ học Thần kinh* cho lớp chuyên ngành Ngôn ngữ học khóa 1987-1991, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

¹⁰ Stephen D. Krashen, *Principles and Practice in Second Language Acquisition and Second Language Learning*, Prentice-Hall International, 1987.

¹¹ Mục II “Quan điểm xây dựng chương trình” 2028.

¹² Mục II “Quan điểm xây dựng chương trình” 2006.

¹³ *Năng lực đọc tiếng Việt của học sinh người Khmer (Nghiên cứu trường hợp học sinh tiểu học ở sóc Trăng)* Tạp chí KHXH, số 8/2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006; 2018), *Chương trình giáo dục tổng thể môn Ngữ văn năm 2006 và 2018; Chương trình giáo dục tổng thể môn Tiếng Anh năm 2006 và 2018; Mục II “Quan điểm xây dựng chương trình”*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt*.
3. Nguyễn Hàm Dương (1991), *Bài giảng về Ngôn ngữ học Thần kinh* cho lớp chuyên ngành Ngôn ngữ học khóa 1987-1991, Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

4. *American Council on the Teaching of Foreign Languages* (1967), (ACTFL/ Hội đồng giảng dạy ngoại ngữ Hoa Kỳ).
5. Annamaria Pinter (2011), *Children learning second languages (Research and practice in applied linguistics)*, Palgrave Macmillan.
6. E. Haugen (1956), *Bilingualism in the America: a bibliography and a research guide*, Publications of the American Dialect Society, N^o26, University of Alabama Press.
7. Jassen, C & Pauwels, A. (1993), *Raising children in Bilingual in Australia*, Melbourne. Language and Society Center Monash University.
8. J. McLean & L.K. McLean (1999), *How children learn language*, Singular Publishing Group Inc., London.
9. Stephen D. Krashen (1987), *Principles and Practice in Second Language Acquisition and Second Language Learning*, Prentice-Hall International.

It is necessary to redefine the purpose of teaching and learning Vietnamese to ethnic minority pupils (in the case of Stieng and Khmer pupils)

Abstract: The results of the surveyed on teaching and learning Vietnamese for primary school at 2019-2020 and 2023-2024 show us about 58% of the subjects speak Vietnamese at a below average level. So, what was the cause? Why the pupils did not achieving their second language - Vietnamese? How to solve the situation?

Key words: Pupils; language; purpose; teaching and learning; speak Vietnamese.